TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2020
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An
Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Vũ Thị Hương
2, Bà Nguyễn Thanh Thủy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Thái - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 120/2020/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/8/2020 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Kim C, sinh năm 1979 (có mặt)
2. **Bị đơn**: Anh Nguyễn Thành V, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm KM, xã KM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 8/6/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Kim C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh V kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm KM, xã KM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Anh V thường xuyên rượu chè, mỗi lần say về nhà lại đánh đập chị, đã từng đốt quần áo, đuổi chị ra khỏi nhà. Vì muốn có gia đình yên ấm nên chị đã chịu đựng và bỏ qua nhiều lần cho anh V nhưng anh V vẫn không thay đổi. Không thể chịu đựng được việc chồng bạo hành, tháng 6/2019, khi anh V vứt quần áo và đuổi chị ra khỏi nhà, hai mẹ con chị đã phải chuyển ra ngoài thuê nhà trọ để ở. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Khi biết được chị gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án, anh V có chửi rủa, đe dọa chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp

tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành V

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Mạnh B, sinh ngày 26/7/2003. Hiện con chung đang ở với mẹ. Khi vợ chồng ly hôn, nguyện vọng của chị là được nuôi dưỡng cháu B. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vì chị xác định từ khi sinh con ra đến nay, anh V không có trách nhiệm gì đối với con, chỉ có mình chị tự lo cho con về mọi mặt.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng có 75m^2 đất ở và nhà xây trên đất cùng các đồ dùng sinh hoạt gia đình, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên cả hai vợ chồng, hiện anh V đang quản lý, sử dụng các tài sản này. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng vì chị chỉ muốn giải thoát khỏi cuộc hôn nhân với anh V.

Về nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thành V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai. Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 29/7/2020 về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh V và chị C, ông Nguyễn Xuân K – Trưởng xóm KM, xã KM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cho biết: Sau khi cưới, anh V và chị C về sinh sống tại xóm KM, xã KM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Khoảng 4-5 năm đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên cãi, chửi đánh nhau, xóm đã đứng ra hòa giải và can thiệp rất nhiều lần. Hiện nay chị C không còn sống ở địa phương nữa mà đã về nhà mẹ đẻ sinh sống và làm ăn. Theo ông K thì thỉnh thoảng chị C có về nhà nhưng chỉ về khoảng 2-3 tiếng sau đó lại đi luôn. Hiện tại anh V sống một mình.

Tại biên bản làm việc của Tòa án ngày 23/6/2020, cháu Nguyễn Mạnh B xác định cháu đang ở với mẹ, cuộc sống của cháu vẫn được sinh hoạt đầy đủ về mọi mặt. Nếu bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu là muốn được ở với mẹ vì cháu không thích ở với bố, bố cháu hay uống bia rượu về chửi cháu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 21, 28, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Kim C, cho chị C được ly hôn anh V.

Về con chung: Giao 01 con chung Nguyễn Mạnh B cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh V vì chị C không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Chị C phải án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án này, nguyên đơn và bị đơn thường trú tại xóm KM, xã KM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thành V đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh V vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã hai lần tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập phiên tòa cho bị đơn nhưng tại phiên tòa lần thứ hai, anh V vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thành V.

[2] Về nội dung:

Chị Nguyễn Kim C và anh Nguyễn Thành V kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện nên là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn và nội dung biên bản xác minh của Tòa án, có cơ sở xác định: Sau khi kết hôn, chị C và anh V đã chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là anh V thường xuyên uống rượu, khi say rượu thường có hành vi đối xử tệ với vợ, thậm chí là bạo lực với vợ. Từ tháng 6 năm 2019 đến nay, chị C đã phải chuyển ra ngoài để ở. Từ đó, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Trong trường hợp này, Chị C và anh V thực tế đã không còn thương yêu, quan tâm, chung sống với nhau nữa. Anh V đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn của vợ chồng mình, Tòa án đã hai lần tống đạt Thông báo về phiên hòa giải nhưng anh không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Điều đó cho thấy anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm hay khắc phục tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Như vậy, có căn cứ xác định, cuộc hôn nhân của anh V và chị C đã trở nên mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu tiếp

tục kéo dài cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, cho chị C được ly hôn anh V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

+ Về con chung: Chị Chung và anh V có 01 con chung là Nguyễn Mạnh B, sinh ngày 26/7/2003. Hiện cháu B đang ở cùng với mẹ. Chị C có nguyện vọng muốn được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi vợ chồng ly hôn và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Phía anh V không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xác định được quan điểm của anh V về quyền nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, nguyện vọng chị C hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của cháu B nên cần được chấp nhận. Giao con chung là cháu B cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V vì chị C không yêu cầu.

Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

+ Về tài sản chung: Chị C xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà, đất ở và các đồ dùng sinh hoạt gia đình nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh V vắng mặt, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

+ Về nợ chung: Chị C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh V vắng mặt, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Kim C đối với anh Nguyễn Thành V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kim C được ly hôn anh Nguyễn Thành V

2. Về con chung: Chị C và anh V có 01 con chung là Nguyễn Mạnh B, sinh ngày 26/7/2003. Giao con chung Nguyễn Mạnh B cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V vì chị C không yêu cầu. Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí*:* Chị Nguyễn Kim C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016668 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã VH;
- Lưu: HS VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Vũ Thị An